

Bản án số: 34/2024/DS - ST

Ngày: 28/9/2024

“ *V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản* ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam

Ông Nguyễn Quang Nhã

***-Thư ký phiên Tòa:*** Bà Trương Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 02/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-DS ngày 05/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 23/9/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D, cùng địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình, bà Dng ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 18/7/2024, ông Đ có mặt.

*Bị đơn:* Vợ chồng chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H, cùng địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình, chị M có đơn xin xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2024, bản tự khai ngày 24/7/2024 và biên bản hòa giải ngày 28/8/2024 cũng như tại phiên tòa, ông Lê Đại Đ đại diện cho vợ chồng ông trình bày: Vợ chồng chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có vay tiền của vợ chồng ông vào những năm trước 2022 chưa trả, đến ngày 18/7/2022, giữa ông và chị M đã đối chiếu và chốt nợ chưa trả cả gốc và lãi đến ngày 30/6/2022 tổng số tiền là 286.400.000 đồng, theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022, trong giấy này, chị M cam kết đến ngày 30/7/2022 sẽ trả hết số tiền trên cho vợ chồng ông Đ, nếu sai sẽ phải chịu trả lãi suất 2,5%/tháng, trên tổng số tiền đang nợ kể từ ngày ký xác nhận nợ (18/7/2022).

Ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng chị M, anh H cố tình dây dưa không chịu trả, mặc dù có khả năng trả nợ. Qua hòa giải của Tòa án và ông cũng suy nghĩ lại, tuy thỏa thuận tại giấy chốt nợ, nếu vi phạm về thời hạn trả nợ, thì phải chịu trả tiền lãi theo mức lãi suất 2,5%/tháng nhưng hiện nay ông tự nguyện giảm lãi

cho chị M, anh H, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị M, anh H phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền 286.400.000 đồng và lãi 20%/năm, kể từ ngày xác nhận nợ (18/7/2022) cho đến ngày xét xử (28/9/2024) là: 125.710.000 đồng. Tổng cộng là 412.110.000 đồng, đồng thời, ông Đ yêu cầu Tòa án tuyên kế tiếp sau ngày tuyên án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, trên số tiền gốc chậm trả và chịu tiền lãi của số tiền lãi chậm trả (125.710.000 đồng) theo mức lãi suất 10%/năm, theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, cho đến khi trả hết số nợ gốc và lãi trên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo trình bày của chị M tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 28/8/2024, với nội dung: Chị M thừa nhận có vay tiền của ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D vào năm 2015 nhưng số tiền vay gốc ban đầu chỉ 110.000.000 đồng, do chưa trả được nên đến ngày 18/7/2022, ông Đ gọi vào ký giấy xác nhận nợ, trong đó, ông Đ đã tính cả gốc và lãi là 286.400.000 đồng, chị có hứa trả cho ông Đ nhưng do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn chưa trả được. Nay ông Đ khởi kiện vợ chồng chị và cho rằng 286.400.000 đồng là tiền gốc, sẽ tính tiền lãi của số tiền 286.400.000 đồng là chị không nhất trí. Đồng thời khoản tiền vay trên là một mình chị vay riêng không liên quan đến anh H chồng chị, trong giấy xác nhận nợ chỉ một mình chị ký với ông Đ. Nay chị xin ông Đ và Tòa án xem xét lại khoản lãi và thời gian trả nợ. Chị M vắng mặt nhưng trong đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên quan điểm như trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải; anh H vắng mặt nhưng trong tờ trình gửi đến Hội đồng xét xử, có nội dung: Số tiền ông Đ, bà D khởi kiện là vợ anh (chị M) vay riêng, anh hoàn toàn không biết chị M vay để làm gì, anh cũng không ký vào giấy vay nên anh không có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ, bà D.

Ông Đ không nhất trí đề nghị của chị M và quan điểm của anh H, vì trong giấy xác nhận nợ đã ghi vợ chồng Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn H. Do đó, ông yêu cầu Tòa án xử buộc chị M, anh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông tiền gốc và lãi như cam kết đã kê khai ở trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H, để đòi nợ vay theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022, đây là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa hai lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, chị M có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà D:

Theo lời trình bày của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử kiểm tra, đánh giá và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Vợ chồng chị M, anh H có vay tiền của vợ chồng ông Đ, bà D nhưng bắt đầu vay vào thời gian nào, bao nhiêu tiền gốc vay là không có chứng cứ cụ thể, mà theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022, tuy chỉ chị M ký, anh H không ký nhưng nội dung thể hiện Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn H nợ của ông Đ, bà D 286.400.000 đồng. Do đó, có căn cứ chị M, anh H có vay tiền của ông Đ, bà D trước năm 2022. Do chị M, anh H chưa trả nợ cho ông Đ, bà D nên giữa ông Đ và chị M đã đối chiếu, chốt nợ theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022 là 286.400.000 đồng cả gốc và lãi. Trong giấy xác nhận nợ, chị M có cam kết ngày 30/7/2022 sẽ trả hết số nợ trên cho ông Đ, nếu vi phạm cam kết sẽ phải chịu lãi suất theo mức 2,5%/tháng của số tiền trong giấy xác nhận nợ. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Tuy trong giấy xác nhận nợ này đã thể hiện cả gốc và lãi là 286.400.000 đồng nhưng chị M, anh H cũng như ông Đ không chứng minh được bao nhiêu tiền gốc và bao nhiêu tiền lãi, hơn nữa, phía người vay chị M, anh H do chị M ký giấy xác nhận nợ có cam kết đến ngày 30/7/2022 sẽ thanh toán hết số tiền 286.400.000 đồng, nếu không thực hiện đúng cam kết sẽ phải chịu lãi suất 2,5%/tháng, cũng không nói mức lãi này của số tiền nào, do đó theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022, có căn cứ bên vay chị M, anh H không thực hiện đúng cam kết trả số tiền 286.400.000 đồng cho ông Đ, bà D chậm nhất ngày 30/7/2022, là vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ của bên vay nên ông Đ, bà D khởi kiện yêu cầu trả nợ 286.400.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất vay, tuy trong Giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2022 có thỏa thuận mức lãi 2,5%/tháng (tức 30%/năm) nhưng tại phiên tòa, ông Đ tự nguyện giảm mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng xuống còn 20%/năm, yêu cầu Tòa án buộc chị M, anh H phải trả lãi trên số nợ 286.400.000 đồng kể từ ngày ký xác nhận nợ 18/7/2022 cho đến ngày xét xử, đồng thời tiếp tục chịu mức lãi này cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc và chịu mức lãi chậm trả lãi, theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành xong khoản tiền lãi là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà D, để buộc chị M, anh H phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông Đ, bà D số tiền 286.400.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 286.400.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 18/7/2022 đến ngày tuyên án (28/9/2024), là 412.110.000 đồng, trong đó, tiền gốc 286.400.000 đồng và tiền lãi 125.710.000 đồng.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Đ, bà D được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.  
*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D số tiền: 412.110.000 đồng, trong đó nợ gốc: 286.400.000 đồng; nợ lãi: 125.710.000 đồng.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2024) bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc (286.400.000 đồng) chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất 20%/năm và chịu tiền lãi của số tiền lãi (125.710.000 đồng) chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, cho đến khi trả hết nợ lãi.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.484.400 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/9/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị M anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h, Lệ Thủy;
- Lưu HS;VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Thị Nhàn**